

Bản án số: 22/2022/HNGĐ-ST
Ngày 12 - 5 - 2022
“V/v Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG KHÁNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Vũ Văn Thăng

2/ Bà Chu Hạ Uyên

- Thư ký phiên tòa: Anh Nguyễn Phi Hải, Thư ký TAND thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 423/2021/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2021, về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2022/QĐST-HNGĐ ngày 21/03/2022 và thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 05/TB-TA ngày 18/4/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Chị Lý Thị T**, sinh năm 1993. Nơi cư trú: số 210/21, đường H, khu phố 5, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai. Có đơn đề nghị vắng mặt.

- Bị đơn: **Anh Nguyễn Chí B**, sinh năm 1992. Nơi cư trú: Khu phố p, phường X, thành phố l, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/11/2021, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Nguyên đơn và bị đơn qua tìm hiểu nhau và tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Xuân Trung, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai vào năm 2019. Trước đó chị và anh B chưa ai kết hôn lần nào.

Cuộc sống chung của anh chị không có hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, xô xát nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, bất đồng trong công việc và thời gian sinh hoạt gia đình. Chị T

muốn ra ở riêng cho tiện sinh hoạt nhưng gia đình anh B và anh B không đồng ý. Vợ chồng kết hôn từ năm 2019 đến nay chưa có con nên gia đình anh B kỳ thị và ghét bỏ chị. Những lần vợ chồng cãi nhau, anh B dùng tay, chân đánh đập chị, việc đánh đập không để lại thương tích nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do cuộc sống chung không có hạnh phúc nên từ năm 2020 đến nay chị về sinh sống cùng nhà mẹ ruột tại phường Xuân Trung, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai còn anh B vẫn sinh sống tại phường Xuân Lập, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai. Vợ chồng chính thức không còn chung sống với nhau từ đó cho đến nay. Tháng 01 năm 2021 chị có làm đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn tại Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh nhưng sau đó đã rút đơn. Nay chị xác định vợ chồng không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ, không còn tình cảm gì với nhau nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị T khai giữa chị và anh B không có gì.

* Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bị đơn đã được Tòa án thông báo, tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do và cũng không có bản tự khai, bản tường trình gửi tới Tòa án.

* Về tài liệu, chứng cứ nguyên đơn giao nộp cho Tòa án, gồm: Chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu (bản photo chứng thực); Bản sao trích lục kết hôn; Quyết định đình chỉ vụ án HNGĐ số 102/2021/QĐST-HNGĐ ngày 11/5/2021; Bản tự khai và đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tài liệu, chứng cứ do bị đơn cung cấp: Không. Tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được: Biên bản xác minh tại UBND phường Xuân Lập, thành phố Long Khánh, Biên bản lấy lời khai người làm chứng bà Trần Thị Vinh.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự và về ý kiến giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Lý Thị T. Cho chị T được ly hôn với anh B. Về tài sản chung chị T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết. về con chung và nợ chung chị T khai không có nên không xem xét giải quyết. Về án phí chị T phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Chị Lý Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Chí B. Hội đồng xét xử thấy rằng, yêu cầu khởi kiện này thuộc trường hợp tranh chấp về Hôn nhân và gia đình với vụ việc được xác định là “Ly hôn” quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về thẩm quyền: Anh Nguyễn Chí B là bị đơn có nơi cư trú tại: khu phố p, phường x, thành phố l, tỉnh Đồng Nai, là người bị nguyên đơn khởi kiện nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của

Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về quan hệ hôn nhân:

Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn vào năm 2019, tại UBND phường Xuân Trung, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai nên được pháp luật về hôn nhân và gia đình công nhận.

Xét yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn: Nguyên đơn cho rằng cuộc sống chung giữa nguyên đơn và bị đơn không còn hạnh phúc, có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là từ nhiều lý do khác nhau. Nguyên đơn xác định không còn tình cảm với bị đơn, mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng không thể nào hàn gắn được và không thể nào tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Từ năm 2020 đến nay nguyên đơn và bị đơn không còn chung sống và không còn qua lại gì với nhau. Lời khai của người làm chứng trong quá trình giải quyết vụ án và biên bản xác minh tại chính quyền địa phương cũng xác nhận cuộc sống chung giữa nguyên đơn và bị đơn có nhiều mâu thuẫn, không hòa hợp và không còn chung sống với nhau từ năm 2020 đến nay.

Quá trình giải quyết vụ án, anh B không lên Tòa án làm việc, mặc dù đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ. Do đó, Tòa án không thể tiến hành hòa giải hàn gắn cho nguyên đơn và bị đơn được. Điều này cho thấy bị đơn không có thiện chí hàn gắn tình cảm, bỏ mặc quan hệ hôn nhân với bị đơn, mặc cho hậu quả xảy ra.

Hội đồng xét xử xét thấy, đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở nên chấp nhận.

[5] Về quyền nuôi dưỡng con chung: Nguyên đơn khai không có nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn khai trong thời kỳ hôn nhân, giữa nguyên đơn và bị đơn không tạo lập nên tài sản chung gì; không vay mượn nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lý Thị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo chị T và anh B được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[9] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Các Điều 228, 235, 266, 271, 273, 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lý Thị T, về việc “Ly hôn”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lý Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Chí B.

2. Về con chung: Nguyên đơn khai không có nên không xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn khai không có nên không xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lý Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí chị T đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0005139 ngày 11/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Khánh.

6. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐN;
- VKS cùng cấp;
- THADS TP.LK;
- UBND P. Xuân Trung, TPLK;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hoa

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Hoa

